TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Bế Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Châu, bà Hà Thị Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2025/TLST – HNGĐ, ngày 04/8/2025, về việc *"Xin ly hôn và nuôi con chung"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST - HNGĐ ngày 19/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H Nưnh B, sinh năm 1994. (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Buôn C, xã E, tỉnh Đăk Lăk.

2. Bị đơn: Anh Y Bher N, sinh năm 1995. (Văng mặt).

Địa chỉ: Buôn C, xã E, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H Nưnh Byă trình bày:

Tôi và anh Y Bher N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/7/2017 tại UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và không có tiếng nói chung, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chồng tôi bạo lực gia đình nên chúng tôi đã ly thân từ đầu năm 2025, không thể quay lại với nhau được nữa. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

Về vấn đề con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu H Sean B1, sinh ngày 06/6/2014. Hiện nay con đang ở với tôi và do tôi nuôi ăn học. Tôi đề nghị tòa án giải quyết giao con cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Bher N được quyền đến thăm con chung, tôi không ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu anh Y Bher N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Y Bher N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự theo Điề 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H Nưnh B, chị H Nưnh Byă được ly hôn với anh Y B2 niê.

+ Về con chung: Giao cháu H Sean B1, sinh ngày 06/6/2014 cho chị H Nưnh Byă trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tại thời điểm khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Y Bher N vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Chị H Nưnh B và anh Y Bher N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 17/7/2017 tại UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Qua lời khai của chị H Nưnh Byă và biên bản xác minh tại địa phương ngày 03/9/2025 đều cho thấy trước đây chị H Nưnh B và anh Y Bher N sống với nhau tại buôn C, xã E, quá trình chung sống chị H Nưnh B và anh Y Bher N thường bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn,

ban tự quản buôn Cuôr có hòa giải nhưng không thành, đến tháng 8 năm 2025 hai vợ chồng không sống với nhau nữa, hiện nay đã sống ly thân. Trong thời gian đó hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, việc chị H Nưnh Byă xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với anh Y Bher N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3.1] Về con chung: Chị H Nưnh Byă và anh Y Bher N có 01 con chung là cháu H Sean B1, sinh ngày 06/6/2014. Qua lời khai của chị H Nưnh Byă và Biên bản xác minh tại địa phương ngày 03/9/2025, cho thấy hiện nay cháu H Sean Byă đang ở chung với chị H Nưnh Byă tại buôn C, xã E, do chị H Nưnh Byă nuôi ăn học. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã lấy lời khai và thể hiện cháu H Sean Byă có nguyện vọng được ở chung với mẹ và muốn mẹ nuôi ăn học. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H Nưnh Byă, giao cháu H Sean Byă cho chị H Nưnh Byă trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H Nưnh Byă không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3.2] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUY**ẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H Nưnh Byă.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H Nưnh Byă được ly hôn với anh Y Bher N.

2. Về con chung: Giao cháu H Sean B1, sinh ngày 06/6/2014 cho chị H Nưnh Byă trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H Sean Byă đủ 18 tuổi.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H Nưnh Byă không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Y Bher N có quyền đi lại thăm nom con chung, chị H Nưnh Byă không được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị H Nưnh Byă phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 000571 ngày 30/7/2025 tại Phòng THADS Khu vực 3 Đắk Lắk.

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND Khu vực 3 Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- UBND xã Ea M'Droh;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bế Văn Toàn